

Số: *09* /2015/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THÁNG 3 NĂM 2015**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 của liên bộ Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020 như sau

1. Phạm vi áp dụng

Các xã được giao nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Đối tượng hỗ trợ

a) Cá nhân, hộ gia đình.

b) Gia trại: Là cơ sở chăn nuôi chưa đạt tiêu chí trang trại nhưng phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa tối thiểu 200 triệu đồng/năm.

c) Trang trại: Phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

d) Hợp tác xã: Các hợp tác xã đã được chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

e) Tổ hợp tác: Được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã của từ 03 cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Ưu tiên hỗ trợ cho phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo quy hoạch phát triển sản xuất, dịch vụ nông thôn và đề án xây dựng nông thôn mới của xã đã phê duyệt.

4. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình sản xuất và tổ chức hội thảo nhân rộng

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình sản xuất (*mỗi mô hình chỉ được hỗ trợ một lần trong cả giai đoạn*).

+ Chi hỗ trợ xây dựng mô hình:

Mô hình sản xuất nông nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu, mức hỗ trợ áp dụng theo định mức kỹ thuật về khuyến nông do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản, chế biến và ngành nghề nông thôn: hỗ trợ 100% chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị nhưng tối đa 150 triệu đồng/mô hình; mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng tối đa 200 triệu đồng/mô hình.

Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp trong nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

+ Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

+ Chi triển khai thực hiện mô hình, bao gồm: Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi tối đa 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao mức chi tối đa 15 triệu đồng/mô hình.

- Tổ chức hội thảo nhân rộng: Mức chi tối đa 15 triệu đồng/mô hình diễn hình tiên tiến.

b) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư

- Hỗ trợ một lần tiền mua giống và hỗ trợ ba năm tiền mua phân bón để chuyển từ trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm (chè, cây ăn quả...); cây nguyên liệu sinh học: Thực hiện theo định mức quy định tại Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư.

- Hỗ trợ tiền mua giống và phân bón cho ba vụ sản xuất liên tiếp để chuyển đổi cơ cấu giống đối với cây ngắn ngày, bao gồm: Cây lương thực, cây thực phẩm,

cây hoa các loại: Thực hiện theo định mức quy định tại Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư.

- Hỗ trợ hai lần tiền mua giống gia cầm hoặc một lần tiền mua giống gia súc: Tối đa 10 triệu đồng/hộ.

c) Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch, chế biến, bảo quản sản phẩm trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ nông thôn

- Đối với hộ gia đình: Hỗ trợ 70% giá trị mua máy móc, thiết bị; đối với hộ nghèo là 80% giá trị mua máy móc thiết bị nhưng tối đa 10 triệu đồng/hộ.

- Đối với Tổ hợp tác: Hỗ trợ 70% giá trị mua máy móc thiết bị nhưng tối đa 30 triệu đồng/Tổ hợp tác.

- Đối với Hợp tác xã: Hỗ trợ 70% giá trị mua máy móc thiết bị nhưng tối đa 80 triệu đồng/Hợp tác xã.

(Giá trị mua máy móc thiết bị không bao gồm chi phí vận chuyển, trông giữ)

5. Nguồn vốn hỗ trợ

Từ nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm của Trung ương, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá VIII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2015./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban công tác đại biểu (UBNDQH);
- Bộ NN & PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT huyện (thị) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Phòng Công tác ĐBQH, HĐND, TTDN;
- LĐVP;
- Lưu: VT, HS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh